

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP 12 (2021 – 2022)

Câu 1: Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{CH}_3)\text{--NH}_2$?

- A. Isopropylamin. B. Metyletylamin. C. Isopropanamin. D. Etylmetylamin.

Câu 2: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 3 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 3: Anilin (hay phenyl amin) có công thức là

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. B. CH_3COOH . C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$. D. CH_3OH .

Câu 4: X có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$, số đồng phân amin của X là

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 5: Số đồng phân amin bậc một ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 5 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 6: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 7 B. 6 C. 8 D. 5

Câu 7: Người ta hút thuốc lá nhiều thường mắc các bệnh nguy hiểm về đường hô hấp. Chất gây hại chủ yếu có trong thuốc lá là

- A. moocphin. B. nicotin. C. becberin. D. axit nicotinic.

Câu 8: Tên gọi của $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ là

- A. Anilin B. Benzyl amin C. Benzyl amoni D. Hexyl amoni

Câu 9: Số đồng phân amin bậc một ứng với công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 4 B. 2 C. 5 D. 3

Câu 10: Trong các chất sau, chất nào là amin bậc 2?

- A. $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{CH}_3)\text{--NH}_2$ B. $\text{CH}_3\text{--NH--CH}_3$ C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ D. $\text{H}_2\text{N--}[\text{CH}_2]_6\text{--NH}_2$

Câu 11: Chọn phát biểu sai

- A. Metylamin, đimetylamin, trimetylamin và etylamin là những chất khí mùi khai khó chịu, độc.
B. Các amin đồng đẳng của metylamin có độ tan trong nước giảm dần theo chiều tăng của khối lượng phân tử.
C. Anilin có tính bazơ.
D. Anilin làm xanh quỳ tím.

Câu 12: Amin nào sau đây là amin bậc 1?

- A. $\text{CH}_3\text{--NH}_2$. B. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$. C. $\text{CH}_3\text{--NH--CH}_3$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{--NH--CH}_3$.

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 13: Glucozơ có tính chất của:

- A.** Andehit và ancol **B.** Andehit và ancol đa chức
- C.**Ancol đa chức và xeton **D.** Ancol và xeton

Câu 14: Chất nào sau đây thuộc loại disaccarit?

- A. Glucozơ.** **B. Tinh bột.** **C. Saccarozơ.** **D. Xenlulozơ.**

Câu 15: Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

- A.** $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$. **B.** $[C_6H_7O_3(OH)_3]_n$. **C.** $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$. **D.** $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$.

Câu 16: Saccarozơ là một loại disaccarit có nhiều trong cây mía, hoa thốt nốt, củ cải đường. Công thức phân tử của saccarozơ là

- A.** $(C_6H_{10}O_5)_n$ **B.** $C_6H_{12}O_6$. **C.** $C_2H_4O_2$. **D.** $C_{12}H_{22}O_{11}$.

Câu 17: Chất nào sau đây còn có tên gọi là đường nho?

- A. Fructozơ.** **B. Tinh bột.** **C. Glucozơ.** **D. Saccarozơ.**

Câu 18: Chọn câu đúng

- A.** Glucozơ là chất rắn, màu trắng, vị ngọt, tan nhiều trong nước, có trong mía, dùng làm gia vị, bánh kẹo.
- B.** Glucozơ còn gọi là gluxit, nó là chất đồng đẳng với tinh bột và xenlulozơ.
- C.** Glucozơ là chất rắn kết tinh, vị ngọt, không màu, dễ tan trong nước, có nhiều trong quả nho chín.
- D.** Glucozơ là một loại đường đơn, có nhiều trong mật ong, có vị rất ngọt.

Câu 19: Xenlulozơ là cacbohidrat thuộc nhóm

- A.** polisaccarit. **B.** chất béo **C.** disaccarit. **D.** monosaccarit.

Câu 20: Loại đường nào sau đây có thể hấp thu trực tiếp vào máu, bồi dưỡng cho người bệnh?

- A.** mantozo
B. fructozo
C. saccarozo
D. Glucozo

Câu 21: Ứng dụng nào dưới đây không là ứng dụng của glucozo?

- A.** Nguyên liệu sản xuất ancol etylic
- B.** Tráng gương, tráng ruột phích
- C.** Nguyên liệu sản xuất PVC
- D.** Làm thực phẩm dinh dưỡng và thuốc tăng lực

Câu 22: Số nguyên tử cacbon trong phân tử glucozơ là

- A.** 12 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 4

Câu 23: Chất nào sau đây có tới 30% trong mật ong?

- A.** Amilopectin. **B.** Glucozo.
C. Fructozo. **D.** Fructozo.

Câu 24: Glucozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong quả nho chín. Công thức phân tử của glucozơ là

- A.** $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$. **B.** $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. **C.** $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. **D.** $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$.

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 25: Tinh bột và xenlulozơ khác nhau về:

- A. Sản phẩm của phản ứng thủy phân.
- B. Cấu trúc mạch phân tử.
- C. Thành phần phân tử.
- D. Độ tan trong nước.

Câu 26: Trong phân tử của cacbohyđrat luôn có

- A. nhóm chức anđehit.
- B. nhóm chức ancol.
- C. nhóm chức xeton.
- D. nhóm chức axit.

Câu 27: Loại đường nào có nhiều trong mía và củ cải?

- A. saccarozơ
- B. Glucozơ
- C. fructozơ
- D. saccharin

Câu 28: Hai chất đồng phân của nhau là

- A. saccarozơ và glucozơ.
- B. tinh bột và xenlulozơ.
- C. metyl axetat và metyl fomat.
- D. fructozơ và glucozơ.

Câu 29: Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là

- A. $C_{12}H_{22}O_{11}$.
- B. $(C_6H_{10}O_5)_n$.
- C. $C_6H_{12}O_6$.
- D. $C_2H_4O_2$.

Câu 30: Chất nào là monosaccarit?

- A. Xenlulozơ
- B. saccarozơ
- C. glucozơ.
- D. Tinh bột

Câu 31: Chất không tan được trong nước lạnh là:

- A. Saccarozơ
- B. fructozơ
- C. Tinh bột
- D. Glucozơ

Câu 32: Chất nào sau đây khi thủy phân không tạo ra glucozơ?

- A. Tinh bột.
- B. Chất béo.
- C. Xenlulozơ.
- D. Saccarozơ.

Câu 33: Chất nào sau đây có nhiều trong bông nõn?

- A. Xenlulozơ.
- B. Tinh bột.
- C. Glucozơ.
- D. Saccarozơ.

Câu 34: Chất không tham gia phản ứng thủy phân là

- A. Tinh bột.
- B. Xenlulozơ.
- C. Chất béo.
- D. Glucozơ.

Câu 35: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

- A. Tinh bột.
- B. Glucozơ.
- C. Fructozơ.
- D. Saccarozơ.

Câu 36: Polime thiên nhiên X được sinh ra trong quá trình quang hợp của cây xanh. Ở nhiệt độ thường, X tạo với dung dịch iot hợp chất có màu xanh tím. Polime X là

- A. glicogen.
- B. tinh bột.
- C. xenlulozơ.
- D. saccarozơ.

Câu 37: X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. $HO-C_2H_4-CHO$.
- B. C_2H_5COOH .
- C. $HCOOC_2H_5$.
- D. CH_3COOCH_3 .

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 38: Chất X có công thức phân tử $C_2H_4O_2$, cho chất X tác dụng với dung dịch NaOH tạo ra muối và nước. Chất X thuộc loại

- A. axit no đơn chức. B. este no đơn chức. C. axit không no đơn chức. D. ancol no đa chức.

Câu 39: Este X được tạo bởi ancol etylic và axit fomic. Công thức của X là

- A. $HCOOC_2H_5$. B. $C_2H_5COOCH_3$.
C. CH_3COOCH_3 D. $HCOOCH_3$.

Câu 40: Thủy phân este X trong môi trường kiềm, thu được natri propionat và ancol metylic. Công thức của X

- A. $C_2H_5COOCH_3$. B. CH_3COOCH_3 . C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $C_2H_3COOC_2H_5$.

Câu 41: Este X tác dụng với dung dịch NaOH, thu được dung dịch chứa hai muối. Công thức phân tử của este X có thể là

- A. $C_2H_5COOC_2H_5$. B. $CH_2=CHCOOCH_3$. C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $CH_3COOC_6H_5$.

Câu 42: Phản ứng giữa C_2H_5OH với CH_3COOH là phản ứng

- A. trùng ngưng. B. este hóa. C. xà phòng hóa. D. trùng hợp.

Câu 43: Este etyl axetat có công thức là

- A. CH_3COOH . B. CH_3CH_2OH . C. $CH_3COOC_2H_5$. D. CH_3CHO .

Câu 44: Thủy phân este X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, thu được ancol etylic. Tên gọi của X là

- A. CH_3COOCH_3 . B. $HCOOCH=CH_2$. C. $HCOOCH_2CH_3$. D. $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 45: Este vinyl axetat có công thức là

- A. $CH_2=CHCOOCH_3$. B. $CH_3COOCH=CH_2$. C. $HCOOCH_3$. D. CH_3COOCH_3 .

Câu 46: Este nào sau đây có phản ứng tráng bạc?

- A. CH_3COOCH_3 . B. $HCOOCH_3$. C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 47: Thủy phân este X bằng dung dịch NaOH thu được 2 sản phẩm hữu cơ là $HCOONa$ và $CH_3CH_2CH_2OH$. Tên gọi của X là

- A. metyl propionat. B. etyl axetat. C. isopropyl fomat. D. propyl fomat.

Câu 48: Đun nóng este $CH_3COOC_2H_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. CH_3COONa và CH_3OH . B. CH_3COONa và C_2H_5OH . C. $HCOONa$ và C_2H_5OH . D. C_2H_5COONa và CH_3OH .

Câu 49: Đun nóng este $CH_3COOCH=CH_2$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. CH_3COONa và $CH_2=CHOH$. B. C_2H_5COONa và CH_3OH .
C. $CH_2=CHCOONa$ và CH_3OH . D. CH_3COONa và CH_3CHO .

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 50: Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. Tên gọi của X là:

- A. metyl axetat. B. propyl axetat. C. metyl propionat. D. etyl axetat.

Câu 51: Propyl fomat được điều chế từ

- A. axit fomic và ancol propylic. B. axit propionic và ancol metylic.
C. axit fomic và ancol metylic. D. axit axetic và ancol propylic.

Câu 52: Este etyl fomiat có công thức là

- A. HCOOC_2H_5 . B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. C. HCOOCH_3 . D. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$.

Câu 53: Khi đun nóng chất X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ với dung dịch NaOH thu được CH_3COONa . Công thức cấu tạo của X là:

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. B. HCOOC_2H_5 . C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 54: Axit nào sau đây là axit béo không no?

- A. Axit stearic. B. Axit acrylic. C. Axit axetic. D. Axit oleic.

Câu 55: Chất nào sau đây **không phải** lipid?

- A. Dầu, mỡ bôi trơn B. Steroit C. Chất béo D. Photpholipit
động cơ

Câu 56: Chất nào sau đây tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra glixerol?

- A. Glucozơ. B. Saccarozơ. C. Metyl axetat. D. Triolein.

Câu 57: Nhận xét nào sau đây **sai**?

- A. dầu mỡ ăn rất ít tan trong n-ước.
B. dầu mỡ ăn nhẹ hơn n-ước.
C. mỡ động vật, dầu thực vật tan trong benzen, hexan, clorofom
D. ở điều kiện thường triolein là chất rắn.

Câu 58: Chất nào sau đây **không** tác dụng với triolein?

- A. H_2 . B. Dung dịch Br_2 . C. Dung dịch NaOH. D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

Câu 59: Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thì thu được muối của axit béo và

- A. ancol đơn chức. B. este đơn chức. C. phenol. D. glixerol.

Câu 60: Khi xà phòng hóa triolein ta thu được sản phẩm là

- A. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COONa}$ và etanol. B. $\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COONa}$ và glixerol.
C. $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$ và glixerol. D. $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COONa}$ và glixerol.

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 61: Có thể gọi tên este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ là

- A. tripanmitin B. stearic C. tristearin D. triolein

Câu 62: Số nguyên tử oxi trong phân tử tristearin là

- A. 5. B. 9. C. 6. D. 8.

Câu 63: Đun nóng tristearin trong dung dịch NaOH thu được glixerol và

- A. $C_{17}H_{35}COONa$ B. $C_{17}H_{33}COONa$ C. $C_{15}H_{31}COONa$ D. $C_{17}H_{31}COONa$

Câu 64: Chất tham gia phản ứng tráng gương là

- A. tinh bột. B. saccarozơ. C. fructozơ. D. xenlulozơ.

Câu 65: Saccarozơ và glucozơ đều có

- A. phản ứng với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
B. phản ứng với dung dịch $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , đun nóng.
C. phản ứng với dung dịch $NaCl$.
D. phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 66: Để phòng ngừa lây nhiễm COVID-19, Tổ chức y tế thế giới (WHO) khuyến cáo người dân nên đeo khẩu trang nơi đông người, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch sát khuẩn có pha ít nhất 60% chất X. Chất X được điều chế từ phản ứng lên men chất Y. Các chất X và Y lần lượt là:

- A. Etanol và glucozơ B. Glucozơ và sobitol C. Etanol và sorbitol D. Glucozơ và etilen

Câu 67: Thủy phân saccarozơ, thu được hai monosaccarit X và Y. Chất X có trong máu người với nồng độ khoảng 0,1%. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. X có phân tử khối bằng 180. B. Y bị thủy phân trong môi trường kiềm.
C. Y không tan trong nước. D. X không có phản ứng tráng bạc.

Câu 68: Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng

- A. $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , đun nóng. B. kim loại Na.
C. $Cu(OH)_2$ trong NaOH, đun nóng. D. $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường.

Câu 69: Ban đêm, cây xanh ngừng quang hợp những vẫn diễn ra quá trình hô hấp, cây xanh sẽ hấp thụ khí X trong không khí để phân giải chất hữu cơ và thải ra khí Y. Khí X và Y lần lượt là

- A. O_2 và CO_2 . B. O_2 và N_2 . C. CO_2 và O_2 . D. N_2 và CO_2 .

Câu 70: Khi lên men 54 gam glucozơ thì thu được 0,4 mol C_2H_5OH . Hiệu suất của quá trình lên men là

- A. 0.75 B. 66,67% C. 0.6 D. 0.8

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 71: Phản ứng chuyển glucozơ, fructozơ thành những sản phẩm giống nhau là

- A. phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
B. phản ứng với kim loại Na .
C. phản ứng tráng gương.
D. phản ứng với H_2/Ni . to.

Câu 72: Từ 16,20 gam xenlulozơ người ta sản xuất được m gam xenlulozơ trinitrat. Giá trị của m là

- A. 2,97 gam
B. 37,125 gam
C. 29,7 gam
D. 23,76 gam

Câu 73: Lên men m gam glucozơ thu được 4,48 lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 40 gam
B. 10 gam
C. 50 gam
D. 18 gam

Câu 74: Chất không có phản ứng thủy phân là

- A. saccarozơ.
B. glucozơ.
C. etyl axetat.
D. Tinh bột.

Câu 75: Lượng glucozơ cần dùng để tạo ra 63,7 gam sobitol là

- A. 63 gam
B. 18 gam
C. 105 gam
D. 37,8 gam

Câu 76: Đun nóng dung dịch chứa 28,8 gam glucozơ với AgNO_3 trong dung dịch NH_3 (dư) thì khối lượng Ag tối đa thu được là

- A. 17,28 gam
B. 43,65 gam
C. 26,7 gam
D. 34,56 gam

Câu 77: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. trùng ngưng.
B. hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
C. thủy phân
D. tráng gương.

Câu 78: Chất không phản ứng với AgNO_3 trong dung dịch NH_3 (đun nóng) để tạo thành Ag là

- A. Axit fomic
B. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ (Fructozơ).
C. Tinh bột ($\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$)_n.
D. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ (glucozơ).
(HCOOH).

Câu 79: Cho các phát biểu sau:

- a. Chất béo là trieste của glyxerol với axit béo.
b. Chất béo nhẹ hơn nước và không tan trong nước.
c. Glucozơ thuộc loại monosaccarit.
d. Các este bị thủy phân trong môi trường kiềm đều tạo muối và ancol.
e. Dung dịch saccarozơ không tham gia phản ứng tráng bạc. Số phát biểu đúng là

- A. 3
B. 1
C. 2
D. 4

Câu 80: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
T	Quỳ tím	Quỳ tím chuyển màu xanh
Y	Dung dịch AgNO_3 trong NH_3 đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
X, Y	$\text{Cu}(\text{OH})_2$	Dung dịch xanh lam
Z	Nước brom	Kết tủa trắng

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

X, Y, Z, T lần lượt là:

- A. Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin. B. Etylamin, glucozơ, saccarozơ, anilin.
C. Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ. D. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin.

Câu 81: Cho 9,3 gam anilin ($C_6H_5NH_2$) tác dụng vừa đủ với axit HCl. Khối lượng muối thu được là

- A. 11,95 gam. B. 12,95 gam. C. 12,59 gam. D. 11,85 gam.

Câu 82: Cho m gam isopropyl amin tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl, khối lượng muối thu được là 11,46 gam.

Giá trị của m là:

- A. 5,4 gam B. 6,06 gam C. 7,08 gam D. 4,38 gam

Câu 83: Trong các tên gọi dưới đây, chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

- A. $(CH_3)_2NH$ B. $C_6H_5NH_2$ C. $C_6H_5CH_2NH_2$ D. NH_3

Câu 84: Chọn phát biểu đúng

- A. Để rửa sạch ống nghiệm có dính anilin, có thể dùng dung dịch HCl.
B. Các amin đều không độc, được sử dụng trong chế biến thực phẩm.
C. Tất cả amin đều làm quỳ tím ẩm chuyển màu xanh.
D. Ở nhiệt độ thường, tất cả amin đều tan nhiều trong nước.

Câu 85: Chất không có khả năng làm xanh nước quỳ tím là

- A. Amoniac. B. Natri axetat C. Natri hiđroxit. D. Anilin

Câu 86: Metylamin không phản ứng được với chất nào sau đây?

- A. dung dịch NaOH B. dung dịch CH_3COOH C. dung dịch HCl D. O_2

Câu 87: Khi đốt cháy hoàn toàn một amin đơn chức no X thu được 3,36 lít khí CO_2 , 4,05 gam nước. Các thể tích khí đo ở đktc. Công thức phân tử của X là

- A. C_2H_7N . B. C_3H_9N . C. CH_3NH_2 . D. C_3H_7N .

Câu 88: Cho 11,25 gam $C_2H_5NH_2$ tác dụng với 200 ml dung dịch HCl x(M). Sau khi phản ứng xong thu được dung dịch có chứa 22,2 gam chất tan. Giá trị của x là

- A. 1,25M B. 1,3M C. 1,5M D. 1,36M

Câu 89: Kết tủa trắng xuất hiện khi nhỏ dung dịch brom vào

- A. ancol etylic. B. axit axetic. C. anilin. D. benzen.

Câu 90: Chất có tính bazơ là

- A. C_6H_5OH . B. CH_3COOH . C. CH_3NH_2 . D. CH_3CHO .

Câu 91: Cho 9,85 gam hỗn hợp 2 amin đơn chức, bậc một tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 18,975 g muối. Khối lượng của HCl phải dùng là

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG**A. 9,125g****B. 9,215g****C. 9,512g****D. 9,521g****Câu 92:** Khi rửa dụng cụ thủy tinh đựng anilin người ta:**A. Tráng bằng dung dịch axit rồi rửa lại bằng nước.****B. Tráng bằng dung dịch brom rồi rửa lại bằng nước.****C. Chỉ cần rửa bằng nước vì anilin rất dễ tan.****D. Tráng bằng dung dịch kiềm rồi rửa lại bằng nước.****Câu 93:** Cho 4,5g etyl amin tác dụng vừa đủ với HCl. Số gam muối sinh ra là**A. 8,15 gam****B. 81,5 gam****C. 9 gam****D. 4,5 gam****Câu 94:** Dung dịch metylamin trong nước làm**A. phenolphthalein hoá xanh.****B. phenolphthalein không đổi màu.****C. quì tím không đổi màu.****D. quì tím hóa xanh.****Câu 95:** Kết quả thí nghiệm của các chất X, Y, Z với các thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Chất	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Dung dịch I ₂	Có màu xanh tím
Y	Dung dịch AgNO ₃ trong NH ₃	Tạo kết tủa Ag
Z	Nước brom	Tạo kết tủa trắng

Các chất X, Y, Z lần lượt là

A. Tinh bột, anilin, etyl fomat.**B. Tinh bột, etyl fomat, anilin.****C. Etyl fomat, tinh bột, anilin.****D. Anilin, etyl fomat, tinh bột.****Câu 96:** Xà phòng hoá hoàn toàn m gam este C₂H₅COOCH₃ cần vừa đủ 10 ml dung dịch KOH 1,0 M. Giá trị của m là**A. 0.96 gam****B. 0.88 gam****C. 8,8 gam****D. 0,74 gam****Câu 97:** Hợp chất Y có công thức phân tử C₄H₈O₂. Khi cho Y tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra chất Z có công thức C₃H₅O₂Na. Công thức cấu tạo của Y là**A. C₂H₅COOCH₃.****B. CH₃COOC₂H₅.****C. C₂H₅COOC₂H₅.****D. HCOOC₃H₇..****Câu 98:** Đun 11,1 gam axit propionic với 6,4 gam metanol (có H₂SO₄ đặc làm xúc tác) đến khi phản ứng đạt tới trạng thái cân bằng, thu được 7,26 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hóa là**A. 0.75****B. 0.5****C. 0.55****D. 62,5%****Câu 99:** Xà phòng hoá hoàn toàn 31,68 gam este CH₃COOC₂H₅ cần vừa đủ V ml dung dịch KOH 1,5 M. Giá trị của V là**A. 240 ml****B. 360 ml****C. 120 ml****D. 180 ml****Câu 100:** Trong các chất: phenol, etyl axetat, ancol etylic, axit axetic; số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

A. 4 **B. 1.** **C. 2.** **D. 3.**

Câu 101: Đốt cháy hoàn toàn 8,4 gam este đơn chức no X thu được 6,272 lít khí CO₂ (đktc). Công thức phân tử của este là

A. C₄H₈O₄ **B. C₂H₄O₂** **C. C₄H₈O₂** **D. C₃H₆O₂**

Câu 102: Đun nóng 7,2 gam CH₃COOH với 4,8 gam CH₃OH (có H₂SO₄ làm xúc tác, hiệu suất phản ứng este hoá bằng 60%). Khối lượng este tạo thành là

A. 5,328 gam **B. 8,88 gam** **C. 6,66 gam** **D. 6,336 gam**

Câu 103: Xà phòng hoá hoàn toàn este C₂H₅COOC₂H₅ cần vừa đủ 150 ml dung dịch NaOH 1,0 M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

A. 8,8 gam **B. 14,4 gam** **C. 12,3 gam** **D. 15,2 gam**

Câu 104: Xà phòng hoá hoàn toàn este CH₃COOC₂H₅ cần vừa đủ 20 ml dung dịch NaOH 1,5 M thì thu được m gam ancol. Giá trị m là

A. 0,92 gam **B. 1,2 gam** **C. 1,38 gam** **D. 0,96 gam**

Câu 105: Cho các phát biểu sau:

- (a) Các chất béo thường tan trong nước và nhẹ hơn nước.
- (b) Nước ép của quả nho chín có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.
- (c) Dùng giấm ăn hoặc chanh khử được mùi tanh trong cá do amin gây ra.
- (d) Dung dịch anilin làm quỳ tím chuyển màu xanh. Số phát biểu sai là

A. 3 **B. 4** **C. 2** **D. 1**

Câu 106: Cho các phát biểu sau:

- (a) Thủy phân triolein thu được etylen glycol
- (b) Tinh bột bị thủy phân khi có xúc tác axit hoặc enzym.
- (c) Thủy phân vinyl fomat, thu được hai sản phẩm đều có phản ứng tráng bạc.
- (d) Phenylamin tan ít trong nước nhưng tan tốt trong dung dịch HCl. Số phát biểu sai là

A. 1 **B. 2** **C. 4** **D. 3**

Câu 107: Cho các phát biểu sau:

- (a) Thủy phân hoàn toàn xenlulozơ hay tinh bột đều thu được glucozơ.
- (b) Thủy phân hoàn toàn các triglixerit luôn thu được glixerol.
- (c) Metylamin có lực bazơ mạnh hơn amoniac.
- (d) Saccarozơ có phản ứng tráng bạc. Số phát biểu đúng là

A. 3 **B. 1** **C. 2** **D. 4**

Câu 108: Tính chất hóa học giống nhau giữa glucozơ và saccarozơ là

A. Đều tác dụng với dung dịch nước brom. **B. Đều tham gia phản ứng tráng bạc.**

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

C. Điều thủy phân khi đun nóng trong dung dịch axit.

D. Điều tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch màu xanh lam.

Câu 109: Cho 200 ml dung dịch glucozơ chưa rõ nồng độ tác dụng với một lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 thu được 2,16 gam bạc kết tủa. Nồng độ mol (hoặc mol/l) của dung dịch glucozơ đã dùng là

A. 0,2M

B. 0,05M

C. 0,1M

D. 0,25M

Câu 110: Chất tác dụng với H_2 tạo thành sobitol là

A. xenlulozơ.

B. glucozơ.

C. saccarozơ.

D. tinh bột.

Câu 111: Thuốc thử để phân biệt glucozơ và fructozơ là

A. dung dịch brom.

B. $[\text{Ag}(\text{NH}_3)_2]\text{NO}_3$

C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$

D. Na

Câu 112: Đun nóng 60 gam dung dịch glucozơ với lượng AgNO_3 /dung dịch NH_3 dư, thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

A. 0.09

B. 0.18

C. 14,4 %

D. 11,4 %

Câu 113: Chất nào sau đây không có khả năng tham gia phản ứng thủy phân trong dung dịch H_2SO_4 loãng, đun nóng?

A. Tinh bột.

B. Fructozơ.

C. Xenlulozơ.

D. Saccarozơ.

Câu 114: Nếu lên men hoàn toàn 36 gam glucozơ rồi cho khí CO_2 thu được hấp thụ vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

A. 20 gam

B. 60 gam

C. 80 gam

D. 40 gam

Câu 115: Thủy phân hoàn toàn 142.4 gam chất béo (tristearin) bằng dung dịch KOH , đun nóng, thu được m gam glixerol. Giá trị của m là

A. 29,44

B. 22,08 gam

C. 7,36 gam

D. 14,72 gam

Câu 116: Thủy phân hoàn toàn m gam chất béo bằng dung dịch NaOH , đun nóng, thu được 32,2 gam glixerol và 321,3 gam muối. Giá trị của m là

A. 311,5 gam

B. 325,5 gam

C. 339,5 gam

D. 353,5 gam

Câu 117: Hidro hóa hoàn toàn 8,84 gam triolein cần vừa đủ V lít khí H_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 0,224 lít

B. 0,448 lít

C. 0,672 lít

D. 0,336 lít

Câu 118: Phát biểu đúng là:

A. Khi thủy phân chất béo luôn thu được $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$.

B. Phản ứng giữa axit và ancol khi có H_2SO_4 đặc là phản ứng một chiều.

C. Tất cả các este phản ứng với dung dịch kiềm luôn thu được sản phẩm cuối cùng là muối và ancol.

D. Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

TỔ HÓA TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG

Câu 119: Khối lượng olein cần để sản xuất 267 kg tristearin là bao nhiêu kg?

- A.** 331,5 gam **B.** 123,4 gam **C.** 313,5 gam **D.** 265,2 gam

Câu 120: Thủy phân hoàn toàn 97,9 gam chất béo bằng dung dịch KOH, đun nóng, thu được 10,12 gam glixerol và m gam muối. Giá trị của m là

- A.** 325,5 gam **B.** 106,26 gam **C.** 353,5 gam **D.** 339,5 gam